

KẾ HOẠCH

Triển khai các hoạt động tầm soát dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh năm 2020

Thực hiện Công văn số 626/BYT-TCDS ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện kế hoạch công tác dân số năm 2020.

Sở Y tế tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động tầm soát dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh năm 2020 cụ thể như sau:

I. Đề án: Sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh

1. Mục tiêu

Tiếp tục củng cố các hoạt động và nâng cao hiệu quả mạng lưới sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh tại địa phương để phát hiện, can thiệp sớm tật, bệnh ở thai nhi và sơ sinh nhằm góp phần nâng cao chất lượng giống nòi.

2. Chỉ tiêu

Chỉ tiêu kế hoạch sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh năm 2020 cụ thể là:

2.1. *Sàng lọc trước sinh*: phần đầu 32% số bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh (9.528 bà mẹ mang thai).

2.2. *Sàng lọc sơ sinh*: phần đầu 75% trẻ sơ sinh được lấy máu gót chân để sàng lọc sơ sinh (22.471 trẻ sơ sinh được lấy máu gót chân).

3. Địa bàn triển khai

Năm 2020, được tổ chức triển khai tại 156 xã, phường, thị trấn của 11/11 huyện, thị, thành phố trong toàn tỉnh.

4. Các nhiệm vụ chủ yếu

4.1. Đối với cấp tỉnh:

- Phối hợp với Trung tâm sàng lọc – chẩn đoán trước sinh và sơ sinh, Bệnh viện Phụ Sản TP. Cần Thơ cử cán bộ Y tế tham gia đào tạo, tập huấn siêu âm cơ bản, siêu âm nâng cao về sàng lọc, chẩn đoán trước sinh.

- Phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang (khoa Sức khỏe sinh sản) tổ chức tập huấn kỹ năng truyền thông và kỹ thuật lấy máu gót chân cho cán bộ kỹ thuật huyện, xã .

- Tham mưu Sở Y tế ban hành công văn chỉ đạo các Bệnh viện, Trung tâm Y tế ký hợp đồng và gửi mẫu cho Trung tâm Sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh (Bệnh viện Phụ sản TP. Cần Thơ) về thực hiện xã hội hoá công tác sàng lọc trước sinh, sơ sinh tại địa phương.

- Nhận giấy thăm lấy mẫu và vật tư tiêu hao từ Trung tâm sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh (Bệnh viện Phụ sản TP. Cần Thơ), quản lý và phân bổ đúng tiến độ cho các huyện, thị, thành phố thực hiện, hạn chế thất thoát, hư hao giấy thăm.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện của cấp huyện, xã tại các địa bàn triển khai; Chú trọng kiểm tra, giám sát hỗ trợ kỹ thuật sau đào tạo kỹ năng lấy mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh để giảm thiểu tỷ lệ mẫu máu lấy không đạt yêu cầu hoặc không tuân thủ duy trì bảo quản, vận chuyển mẫu máu ảnh hưởng đến kết quả sàng lọc, chẩn đoán.

- Nhân bản các tài liệu truyền thông do Trung ương cung cấp mẫu để phân phối cho đối tượng.

4.2. Đối với cấp huyện, thị, thành phố và cấp xã, phường, thị trấn:

- Tuyên truyền – vận động dưới mọi hình thức tại tuyến huyện, xã, cung cấp sản phẩm truyền thông trên cơ sở tài liệu, sản phẩm truyền thông do Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình tỉnh cung cấp (tập trung cho nhóm đối tượng chính là các bà mẹ mang thai).

- Trung tâm Y tế và các Bệnh viện nằm trên địa bàn huyện, thị, thành phố thực hiện các dịch vụ kỹ thuật sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh (lấy máu gót chân trẻ sơ sinh) và gửi mẫu máu theo phân cấp kỹ thuật.

- Thông báo kịp thời kết quả sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh cho các đối tượng theo quy định.

- Quản lý, theo dõi, tư vấn, giúp đỡ các trường hợp được xác định là có nguy cơ cao, mắc bệnh lý di truyền; hỗ trợ chuyển tuyến các trường hợp hộ nghèo, cận nghèo và người thuộc diện chính sách xã hội.

- Quản lý máy siêu âm tại các cơ sở Y tế để thực hiện nhiệm vụ của đề án tại địa phương.

- Kiểm tra, giám sát thực hiện của cấp xã tại các địa bàn triển khai.

- Thực hiện quản lý và báo cáo kết quả hoạt động theo quy định.

II. Đề án: Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh

1. Mục tiêu

Không chế có hiệu quả tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, tiến tới đưa tỷ số giới tính khi sinh trở lại mức cân bằng tự nhiên góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Chỉ tiêu

Phấn đấu TSGTKS đạt 108,5 trẻ em trai/100 trẻ em gái trong năm 2020.

3. Địa bàn triển khai

Năm 2020, được triển khai tại 156 xã, phường, thị trấn của 11/11 huyện, thị, thành phố trong toàn tỉnh.

4. Các nhiệm vụ chủ yếu

4.1. Đối với cấp tỉnh:

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang; tổ chức Hội nghị, Hội thảo, nói chuyện chuyên đề, cung cấp các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền những nguy cơ hậu quả của giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Tổ chức đưa các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và nội dung chăm sóc SKSS, sức khỏe bà mẹ, trẻ em,... vào hương ước, quy ước của khóm, ấp, tổ dân phố,... tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

- Phối hợp với Trường Chính trị Tôn Đức Thắng thực hiện tuyên truyền cho học viên là cán bộ lãnh đạo cấp xã, ban ngành huyện, tỉnh về giới, bình đẳng giới, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh,...

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra định kỳ, giám sát đối với các cơ sở sản xuất các sản phẩm truyền thông; các cơ sở kinh doanh sách, các cơ sở cung cấp dịch vụ siêu âm, phá thai và các dịch vụ khác có liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

4.2. Đối với cấp huyện, thị, thành phố và cấp xã, phường, thị trấn:

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, Đài Phát thanh, truyền thanh huyện - xã; tổ chức Hội nghị, Hội thảo, nói chuyện chuyên đề với các nhóm đối tượng; cung cấp các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền, những nguy cơ hậu quả của giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng chính trị địa phương thực hiện tuyên truyền cho học viên là cán bộ lãnh đạo cấp xã, ban ngành huyện về giới, bình đẳng giới, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh,...

- Thành lập các điểm truyền thông, tư vấn và tổ chức các nhóm sinh hoạt tại địa bàn xã, lồng ghép nội dung tuyên truyền vào các hoạt động văn hóa xã hội của cộng đồng, vào các hoạt động thường xuyên của chính quyền, đoàn thể.

- Hỗ trợ hoạt động tư pháp xã thực hiện quản lý, cung cấp thông tin, tư vấn cho các đối tượng chuẩn bị kết hôn, đăng ký kết hôn và giấy khai sinh cho trẻ em tại địa bàn.

- Tổ chức nói chuyện chuyên đề nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về công tác kiểm soát MCBGTKS

- Hỗ trợ, cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD, SKSS vị thành niên, thanh niên, sức khỏe bà mẹ trẻ em tại xã, phường, thị trấn.

- Tổ chức các hoạt động Câu lạc bộ “Phụ nữ không sinh con thứ 3 trở lên” tại các xã, phường, thị trấn, đưa các nội dung về giới và giới tính khi sinh trong các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ.

III. Đề án: Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

1. Mục tiêu

Đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thích ứng với giai đoạn già hóa dân số góp phần thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao

tuổi, Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản, Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Chỉ tiêu

Năm 2020, tăng thêm tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm 10% so với năm 2019 (19.500 người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ).

3. Địa bàn triển khai

Năm 2020, được triển khai duy trì tại 78 xã, phường, thị trấn của 11 huyện, thị, thành phố trong tỉnh.

4. Các nhiệm vụ chủ yếu

4.1. Đối với cấp tỉnh:

- Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng các chuyên mục, phóng sự phát trên sóng Đài phát thanh – truyền hình An Giang; xây dựng chuyên trang, chuyên mục trên báo An Giang.

- Biên tập, nhân bản các sản phẩm, tài liệu truyền thông, ấn phẩm tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cấp cho người dân.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông sự kiện, hội thảo, hội nghị, hội thi, nói chuyện chuyên đề cung cấp thông tin, các văn bản chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về người cao tuổi.

- Nâng cao năng lực cho y tế cơ sở bao gồm cả trạm y tế xã/phường/thị trấn trong thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NCT.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện đánh giá và đề xuất xây dựng các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; các văn bản liên quan đến việc xây dựng, phát triển phong trào chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Thực hiện kiểm tra giám sát, đánh giá các mục hoạt động,

4.2. Đối với cấp huyện, thị, thành phố và cấp xã, phường, thị trấn:

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức về rèn luyện thân thể, tăng cường sức khỏe và phòng bệnh, chữa bệnh, đặc biệt là các bệnh thường gặp ở người cao tuổi, hướng dẫn người cao tuổi các kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe.

- Tổ chức nói chuyện chuyên đề và hướng dẫn người cao tuổi các kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe tại nhà.

- Thành lập Tổ tình nguyện viên ở cấp xã, phường, thị trấn, bao gồm: Thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại hộ gia đình được phân công; Theo dõi, ghi chép tình hình sức khỏe người cao tuổi được phân công; Tổ chức các buổi họp của Tổ tình nguyện viên hàng tháng.

- Duy trì hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe vào các loại hình câu lạc bộ của người cao tuổi khác tại địa phương.

- Tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ để hướng dẫn kiến thức về rèn luyện thân thể, nâng cao sức khỏe và phòng bệnh, đặc biệt là phòng các bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

IV. Mô hình: Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân

1. Mục tiêu

Tiếp tục thực hiện Mô hình Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng thực hành chăm sóc SKSS/KHHGD thông qua tư vấn và khám sức khỏe cho vị thành niên, thanh niên từng bước góp phần nâng cao thể chất, trí tuệ, tinh thần của vị thành niên, thanh niên.

2. Chỉ tiêu

Trong năm 2020, tăng thêm tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn 10 % so với năm 2019 (10.100 cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe).

3. Địa bàn triển khai

Năm 2020, được triển khai tại 156 xã, phường, thị trấn của 11/11 huyện, thị, thành phố trong toàn tỉnh.

4. Các nhiệm vụ chủ yếu

4.1. Đối với cấp tỉnh:

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, cung cấp các sản phẩm, tài liệu truyền thông về các biện pháp tránh thai, chăm sóc SKSS vị thành niên, thanh niên; phòng chống, điều trị vô sinh; làm mẹ an toàn; trách nhiệm làm cha mẹ; nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tư vấn cho đoàn viên thanh niên và học sinh tại các điểm trường về các chủ đề tình bạn, tình yêu, giới, bình đẳng giới, chăm sóc sức khỏe sinh sản, tâm sinh lý tuổi vị thành niên, thanh niên.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông cho các thành viên của các đoàn thể, thanh niên lao động tham gia sinh hoạt, tìm hiểu các chuyên đề Dân số - KHHGD, hôn nhân và tổ chức các cuộc thi kiến thức, thi tìm hiểu về các vấn đề Dân số - KHHGD nhằm tăng sức khỏe người lao động, tăng khả năng tái tạo sức lao động.

- Cung cấp tờ rơi cho các câu lạc bộ, xây dựng panô tuyên truyền về vị thành niên/thanh niên cho các huyện, thị, thành phố.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch tại địa phương theo kế hoạch định kỳ và đột xuất.

4.2. Cấp huyện, thị, thành phố và cấp xã, phường, thị trấn:

- Tổ chức nói chuyện chuyên đề về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nam, nữ thanh niên, cung cấp các sản phẩm, tài liệu truyền thông về các biện pháp tránh thai, CSSKSS vị thành niên/thanh niên; phòng chống, điều trị vô sinh; làm mẹ an toàn; trách nhiệm làm cha mẹ; nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

- Phối hợp với các Trường Phổ thông Trung học tổ chức tư vấn cho đoàn viên thanh niên và học sinh về các chủ đề tình bạn, tình yêu, giới, bình đẳng giới, CSSKSS, tâm sinh lý tuổi vị thành niên, thanh niên.

- Tổ chức các hoạt động Câu lạc bộ “Tiền hôn nhân” tại các xã và tổ chức mạng lưới giáo dục đồng đẳng giới, nhằm cung cấp thông tin, tư vấn và triển khai các hoạt động của mô hình (mỗi ấp 01 nhóm); xây dựng góc truyền thông cung cấp kiến thức về Dân số, SKSS/KHHGD nói chung, nhấn mạnh sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên tại các trường phổ thông cơ sở và phổ thông trung học; cung cấp thông tin cho nam nữ thanh niên tại nơi đăng ký kết hôn.

- Tổ chức khám sức khỏe và hướng dẫn điều trị cho vị thành niên, thanh niên và các đối tượng chuẩn bị kết hôn; tiến hành một số xét nghiệm cơ bản như viêm gan B, HIV, thử thai sớm, bệnh lây truyền qua đường sinh sản, vô sinh, bảo vệ sức khỏe bào thai; khám và chuyển tuyến những trường hợp theo quy định.

- Duy trì thường xuyên các hoạt động tại các địa bàn đã triển khai, chú trọng tư vấn và giúp đỡ các trường hợp được xác định là có nguy cơ cao, bệnh lý.

IV. Công tác truyền thông

1. Mục tiêu

Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nhằm chuyển đổi nhận thức, thái độ, hành vi của các nhóm đối tượng trong việc triển khai và thực hiện tốt các Đề án, mô hình như: Đề án sàng lọc trước sinh và sơ sinh; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và Mô hình Tư vấn & khám sức khỏe tiền hôn nhân, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

2. Các nhiệm vụ chủ yếu

Tổ chức tốt các hoạt động tư vấn, vận động; hỗ trợ triển khai các hoạt động của các mô hình: xây dựng các chuyên mục về Dân số – KHHGD trên Đài Phát thanh – truyền hình An Giang, Đài truyền thanh cấp huyện và cấp xã. Tổ chức các cuộc mít tinh, tọa đàm, Hội nghị chia sẻ kinh nghiệm giữa các cá nhân, tập thể điển hình, tổ chức các đợt truyền thông lưu động nhân các sự kiện như: Truyền thông Hưởng ứng Ngày Thalassemia Thế giới (8/5), Ngày Dân số Thế giới (11/7), Ngày tránh thai Thế giới (26/9), Ngày Quốc tế người cao tuổi 01/10 và “Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam” năm 2020, Chiến dịch truyền thông về MCBGTKS và hưởng ứng Ngày Quốc tế trẻ em gái 11/10, Tháng hành động Quốc gia về Dân số (tháng 12) và Ngày Dân số Việt Nam (26/12).

V. Kinh phí:

Kinh phí tổ chức triển khai các hoạt động tầm soát dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh năm 2020 là: 1.272.600.000 đ (Một tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn) từ nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số (theo Quyết định số 302/QĐ-SYT ngày 10/4/2020).

- Các hoạt động, nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành của nhà nước (có phụ lục kèm theo)

VI. Tổ chức thực hiện:

1. Đối với cấp tỉnh:

- Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh tham mưu với Sở Y tế xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai có hiệu quả các hoạt động tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh năm 2020 cho các huyện, thị, thành phố.

- Các đơn vị công lập như: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (khoa Sức khỏe sinh sản), Bệnh viện Sản – Nhi, Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang và Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh, khu vực Tân Châu tổ chức triển khai thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu Bộ Y tế giao.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn cho các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Dự án.

2. Đối với cấp huyện, thị, thành phố:

- Trung tâm Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai cho tuyến xã, phường, thị trấn thực hiện có hiệu quả các hoạt động tầm soát dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh năm 2020.

- Các Bệnh viện nằm trên địa bàn huyện, thị, thành phố phối hợp với Trung tâm Y tế thực hiện các dịch vụ kỹ thuật theo quy định.

3. Đối với cấp xã, phường, thị trấn:

Trạm Y tế các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động tầm soát dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh năm 2020.

4. Báo cáo:

Trung tâm Y tế huyện, thị, thành phố xây dựng kế hoạch trình UBND cấp huyện phê duyệt và gửi về Phòng Nghiệp vụ - Truyền thông thuộc Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh trước ngày **25/5/2020**. Báo cáo kết quả thực hiện hàng tháng gửi trước ngày 10 của tháng sau.

Trên đây là kế hoạch triển khai các hoạt động tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh năm 2020. Đề nghị Trung tâm Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai cho các xã, phường, thị trấn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Vụ Cơ cấu và Chất lượng dân số;
- LĐ Sở Y tế;
- LĐ Chi cục Dân số;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Bệnh viện Sản-Nhi;
- Bệnh viện ĐKTTAG;
- BVKV tỉnh, BVKV Tân Châu;
- Trung tâm Y tế huyện, thị, TP;
- Lưu: VT, NVY, CCDS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Văn Điền Phương

**CHỈ TIÊU SÀNG LỌC TRƯỚC SINH VÀ SÀNG LỌC SƠ SINH
NĂM 2020**

Tên đơn vị	Số PNMT sàng lọc trước sinh				Số trẻ em sàng lọc sơ sinh			
	Chỉ tiêu	Trong đó			Chỉ tiêu	Trong đó		
		Được TW hỗ trợ K/phí	Xã hội hoá	Chuyển tuyến		Được TW hỗ trợ K/phí	Xã hội hoá	Chuyển tuyến
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Toàn tỉnh	9.528	380	9.148	38	22.471	520	21.951	52
Tp. Long Xuyên	1.360	50	1.310	5	3.210	75	3.135	6
TP. Châu Đốc	508	20	488	2	1.200	30	1.170	3
TX. Tân Châu	705	30	675	3	1.660	40	1.620	4
H. An Phú	745	30	715	3	1.750	40	1.710	4
H. Phú Tân	945	40	905	4	2.225	50	2.175	5
H. Tịnh Biên	540	20	520	2	1.280	30	1.250	3
H. Tri Tôn	585	25	560	3	1.380	30	1.350	3
H. Châu Phú	1.030	40	990	4	2.435	55	2.380	6
H. Chợ Mới	1.540	60	1.480	6	3.626	85	3.541	9
H. Châu Thành	755	30	725	3	1.780	40	1.740	4
H. Thoại Sơn	815	35	780	3	1.925	45	1.880	5

CHỈ TIÊU TỶ SỐ GIỚI TÍNH KHI SINH NĂM 2020

Đơn vị	Dân số trung bình (người)	Trẻ sinh (người)	TSGTKS (nam /100 nữ)	Ghi chú
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
- TP. Long Xuyên	272.591	4.146	107,71	
- TP. Châu Đốc	101.858	1.548	108,03	
- Thị xã Tân Châu	141.301	2.306	108,82	
- Huyện An Phú	148.656	2.407	108,78	
- Huyện Phú Tân	188.995	2.952	108,03	
- Huyện Tịnh Biên	108.608	1.813	108,91	
- Huyện Tri Tôn	117.449	1.967	108,78	
- Huyện Châu Phú	206.745	3.434	108,75	
- Huyện Chợ Mới	308.197	4.700	108,52	
- Huyện Châu Thành	151.426	2.320	107,53	
- Huyện Thoại Sơn	163.509	2.613	110,06	
TOÀN TỈNH	1.909.335	30.206	108,50	

**CHỈ TIÊU NGƯỜI CAO TUỔI ĐƯỢC KHÁM SỨC KHỎE
ĐỊNH KỲ NĂM 2020**

STT	Đơn vị	Số người cao tuổi (65t +)	Số người cao tuổi (65t +) được khám sức khỏe định kỳ	Ghi chú
	Toàn tỉnh	143.210	19.500	
1	TP. Long Xuyên	20.440	2.780	
2	TP. Châu Đốc	7.640	1.040	
3	TX. Tân Châu	10.600	1.440	
4	H. An Phú	11.150	1.520	
5	H. Phú Tân	14.180	1.930	
6	H. Tịnh Biên	8.150	1.110	
7	H. Tri Tôn	8.810	1.200	
8	H. Châu Phú	15.500	2.110	
9	H. Chợ Mới	23.120	3.150	
10	H. Châu Thành	11.360	1.550	
11	H. Thoại Sơn	12.260	1.670	

**CHỈ TIÊU KIỂM TRA SỨC KHỎE TIỀN HÔN NHÂN
NĂM 2020**

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu khám	TĐ: được TW hỗ trợ kinh phí	Xã hội hoá
	Toàn tỉnh	10.100	169	9.931
1	Tp. Long Xuyên	1.400	20	1.380
2	Tp. Châu Đốc	600	10	590
3	TX. Tân Châu	750	15	735
4	H. An Phú	800	15	785
5	H. Phú Tân	1.000	15	985
6	H. Tịnh Biên	600	10	590
7	H. Tri Tôn	700	10	690
8	H. Châu Phú	1.000	19	981
9	H. Chợ Mới	1.600	25	1.575
10	H. Châu Thành	800	15	785
11	H. Thoại Sơn	850	15	835